



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 15/09/2025 (Monday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3	20:19	22:30	↙
2.7	00:00	04:00	↗
3.3	04:57	08:15	↙
0.7	13:23	17:15	↗
3.1	22:21	00:30	↙
3	01:06	07:15	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	V.Hoàng	WAN HAI 286	10.5	175	20,924	P/s3 - CL1	04:00	//0700	A2-A9
2	Th.Hùng	EVER OATH	10.5	195	27,025	P/s3 - BP7	03:00	Thả neo, tăng cường dây	A1-A5
3	Quân	INCHEON VOYAGER	10.4	196	27,828	P/s3 - CL4-5	04:00	//0700	//A6-A9
4	N.Chiến	MILD PEONY	10	172	18,166	P/s3 - CL7	04:30	//0800	A2-A3
5	Quyết	DONGJIN CONFIDENT	9	172	18,340	P/s3 - CL4	22:00	//	A6-TM
6	Nhật - Duy	MCC ANDALAS	8.7	148	9,954	P/s3 - CL5	12:00	//1530	//A2-A3
7	Đ.Toàn	TIDE SAILOR	9.4	182	17,887	P/s3 - CL7	13:30	//1600	//A2-A6
8	Vinh - Giang	CUL YANGPU	9	172	18,461	P/s3 - CL1	19:30	//1700	A2-A6
9	Son - Diệu	CHENNAI VOYAGER	10.5	208	25,637	P/s3 - CL4-5	22:00	Cano DL	//
10	Nghị	MAERSK NAMSOS	9.7	172	25,723	P/s3 - CL5	23:00	//2300	//
11	Đào	MONICA	9.5	173	17,801	P/s3 - BNPH	21:00	//2330	
12	Duyệt - V.Dũng	BUXMELODY	10.1	216	28,050	P/s3 - CL3	23:00	//0200	
13	N.Hoàng - Chính	MIYUNHE	10.1	183	16,738	P/s3 - BNPH	04:30	Cano DL, //0600	A2-A5
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	M.Hải - M.Tùng	YM UNICORN	12.5	333	91,586	P/s3 - CM2	11:30	Y/c MP	MR-KS
2	Thịnh - T.Tùng	ONE MINATO	13.8	366	152,180	CM3 - P/s3	04:00	MP-3NM-DL	MR-KS-AWA
3	Hà - P.Thùy	YM WONDERLAND	12.1	367	151,451	P/s3 - CM3	04:00	Y/c MP-DL	MR-KS-AWA
4	N.Minh - N.Cường	OOCL MAGNOLIA	13.5	367	159,260	CM4 - P/s3	13:30	MP-3NM	A9-A10-ST1
5	Hồng	BRIGHT SAKURA	10.3	186	29,622	P/s3 - CM4	13:30	Y/c MT-VTX	A9-A10
6	Đ.Long	X PRESS KAILASH	10.5	222	28,100	P/s3 - CM4	14:00	Y/c MT-VTX	A9-A10

7	Nhật - M.Hải	WAN HAI A18	13.5	335	122,045	CM2 - P/s3	03:00	MT	MR-KS-AWA
8	Hồng - Hoàn	HUNG PHU 99+ATLAS 18	3.5	116	1,375	P/s3 - Cấn Giờ	22:00	SR ĐX	
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Minh - M.Hùng	SKY SUNSHINE	8.6	172	17,853	CL7 - P/s3	07:00		A2-A5
2	Trung - Tân	MAERSK JIANGYIN	9.1	222	28,007	CL4-5 - P/s3	07:00		A6-A9
3	N.Thanh	NIMTOFTE MAERSK	8	172	26,255	CL5 - P/s3	15:00		A1-A5
4	N.Dũng	CNC JUPITER	6.5	172	19,000	CL1 - P/s3	07:30		A2-TM
5	P.Hung - H.Trường	MACALLAN 18 - GUIBOT	3	189	4,616	TCHP - H25	09:00	SR	08-12
6	Đ.Chiến	SINAR SANUR	8.6	172	19,944	CL4 - P/s3	10:00		A5-A6
7	T.Hiền - H.Thanh	KMTC OSAKA	8.2	172	17,500	CL3 - P/s3	15:30		A2-A3
8	Phú	WAN HAI 286	8.5	175	20,924	CL1 - P/s3	21:30		A1-A6
9	V.Tùng	MIYUNHE	9	183	16,738	BNPH - P/s3	23:00		A2-A3
10	Đức	MILD PEONY	7.8	172	18,166	CL7 - P/s3	17:00		A3-TM
11	Chương	INCHEON VOYAGER	9.9	196	27,828	CL4-5 - P/s3	01:00	DL	A5-A6
12	Quang - N.Trường	MCC ANDALAS	6.7	148	9,954	CL5 - P/s3	02:00		A2-A3
13	N.Minh	EVER OUTDO	8	195	27,025	CL5 - P/s3	01:00	DL, LT	A6-A9
14	Duyệt	JOSCO HELEN	9.5	146	9,972	BNPH - H25	06:00	SR	A1-A3
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Khái	EVER OATH	10.5	195	27,025	BP7 - CL3	15:30		A1-A5